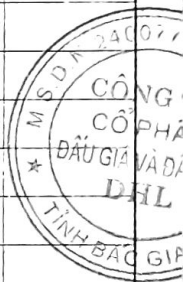


BẢNG CHI TIẾT
VỊ TRÍ, SỐ LÔ ĐẤT, DIỆN TÍCH, GIÁ KHỞI ĐIỂM, TIỀN ĐẶT TRƯỚC, TIỀN MUA HỒ SƠ
THAM GIA ĐẦU GIÁ

Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất ở thuộc các xã: Quang Châu và Hoàng Ninh,
huyện Việt Yên ngày 28/10/2018

TT	Lô đất số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
			đồng/m ²	đồng/lô			
1. XÃ QUANG CHÂU							
1.1. KHU DÂN CƯ THÔN QUANG BIỂU							
1	122	126,0	14.000.000	1.764.000.000	250.000.000	500.000	
2	123	124,0	14.000.000	1.736.000.000	250.000.000	500.000	
3	124	124,0	14.000.000	1.736.000.000	250.000.000	500.000	
4	125	112,0	14.000.000	1.568.000.000	250.000.000	500.000	
5	126	110,0	14.000.000	1.540.000.000	250.000.000	500.000	
6	127	112,0	14.000.000	1.568.000.000	250.000.000	500.000	
7	128	109,0	14.000.000	1.526.000.000	250.000.000	500.000	
8	129	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
9	130	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
10	131	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
11	132	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
12	133	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
13	134	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
14	135	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
15	136	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
16	137	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
17	138	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
18	139	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
19	140	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
20	141	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
21	142	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
22	143	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
23	144	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
24	145	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
25	146	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
26	147	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
27	148	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
28	149	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
29	150	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
30	151	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
31	152	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
32	153	95,0	14.000.000	1.330.000.000	250.000.000	500.000	
33	154	95,0	14.000.000	1.330.000.000	250.000.000	500.000	
34	155	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	



TT	Lô đất số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
			đồng/m ²	đồng/lô			
35	156	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
36	157	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
37	158	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
38	159	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
39	160	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
40	161	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
41	162	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
42	163	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
43	164	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
44	165	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
45	166	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
46	167	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
47	168	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
48	169	100,0	14.000.000	1.400.000.000	250.000.000	500.000	
Cộng	48 lô	4.907,0		68.698.000.000			
1.2. KHU DÂN CƯ THÔN NAM NGẠN							
49	39	95,0	8.000.000	760.000.000	130.000.000	500.000	
50	40	98,5	8.000.000	788.000.000	130.000.000	500.000	
51	41	94,5	8.000.000	756.000.000	130.000.000	500.000	
52	42	87,5	8.000.000	700.000.000	130.000.000	500.000	
53	43	106,5	8.000.000	852.000.000	130.000.000	500.000	
54	44	109,5	8.000.000	876.000.000	130.000.000	500.000	
55	45	112,5	8.000.000	900.000.000	130.000.000	500.000	
56	46	115,5	8.000.000	924.000.000	130.000.000	500.000	
57	47	106,0	8.000.000	848.000.000	130.000.000	500.000	
58	54	115,0	8.000.000	920.000.000	130.000.000	500.000	
59	55	118,0	8.000.000	944.000.000	130.000.000	500.000	
60	56	115,0	8.000.000	920.000.000	130.000.000	500.000	
61	57	113,0	8.000.000	904.000.000	130.000.000	500.000	
62	58	116,0	8.000.000	928.000.000	130.000.000	500.000	
63	48	122,5	6.000.000	735.000.000	130.000.000	500.000	
64	49	122,5	6.000.000	735.000.000	130.000.000	500.000	
65	50	122,5	6.000.000	735.000.000	130.000.000	500.000	
66	51	122,5	6.000.000	735.000.000	130.000.000	500.000	
67	52	122,5	6.000.000	735.000.000	130.000.000	500.000	
68	53	122,5	6.000.000	735.000.000	130.000.000	500.000	
69	59	125,0	6.000.000	750.000.000	130.000.000	500.000	
70	60	125,0	6.000.000	750.000.000	130.000.000	500.000	
71	61	125,0	6.000.000	750.000.000	130.000.000	500.000	
72	62	125,0	6.000.000	750.000.000	130.000.000	500.000	
73	63	125,0	6.000.000	750.000.000	130.000.000	500.000	
74	64	125,0	6.000.000	750.000.000	130.000.000	500.000	

TT	Lô đất số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng/lô)	Tiền mua hồ sơ (đồng/lô)	Ghi chú
			đồng/m ²	đồng/lô			
Cộng	26 lô	2.987,5		20.930.000.000			
1.3. KHU DÂN CƯ THÔN ĐẠO NGẠN							
75	1	101,0	20.000.000	2.020.000.000	300.000.000	500.000	
76	2	101,0	20.000.000	2.020.000.000	300.000.000	500.000	
77	3	101,0	20.000.000	2.020.000.000	300.000.000	500.000	
78	4	101,0	20.000.000	2.020.000.000	300.000.000	500.000	
Cộng	4 lô	404,0		8.080.000.000			
2. XÃ HOÀNG NINH							
KHU DÂN CƯ THÔN MY ĐIỀN 3							
79	22	116,5	7.500.000	873.750.000	150.000.000	500.000	
80	23	118,5	7.500.000	888.750.000	150.000.000	500.000	
Cộng	2 lô	235,0		1.762.500.000			
TỔNG	80 lô	8.533,5		99.470.500.000			

